

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **57/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 08/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Xuân Thành.

2. Bà Huỳnh Thị Yên.

Thư ký phiên tòa: Ông Biện Việt Cường – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hữu Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST - HNGĐ, ngày 14 tháng 02 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐST - HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 21/7/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Cáp Thị T, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm 9, thôn 1, xã BR, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành Q, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 3, thôn 5, xã Măng Tố, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – Chị Cáp Thị T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cáp Thị T và anh Nguyễn Thành Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tân, huyện Tánh Linh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Do anh Q ham chơi, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường cãi vã nhau. Chị T và gia đình đã nhiều lần khuyên răn

nhưng anh Q vẫn không thay đổi. Từ tháng 6/2021 cho đến nay, anh Q và chị T đã sống ly thân với nhau. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị T không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh Q có một người con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 08/12/2016. Chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cho nên, nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được quyền nuôi con cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn – anh Nguyễn Thành Q đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai, hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng anh Q đều vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể ghi nhận những ý kiến của anh Q về những vấn đề liên quan trong vụ án.

[3]. Những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Chị Cáp Thị T cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: 01 bản sao căn cước công dân; 01 bản sao sổ hộ khẩu; 01 bản sao giấy chứng nhận kết hôn; 01 bản sao giấy khai sinh.

- Anh Nguyễn Thành Q: Không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành lấy lời khai của các đương sự và xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân của chị T và anh Q.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tuân thủ theo đúng quy định của BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Cáp Thị T; chị Cáp Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo Châu, sinh năm 2016 cho chị Cáp Thị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc không ai được phép ngăn cản.

Về án phí: Chị Cáp Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, chị Cáp Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Thành Q hai lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ vào quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Nguyên đơn – chị Cáp Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con. Ngoài ra, các đương sự không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Cáp Thị T:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Cáp Thị T và anh Nguyễn Thành Q tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 ở Ủy ban nhân dân xã Đức Tân (hiện nay là xã Măng Tố) tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2016, ngày 06/7/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2021 cho đến nay. Thời gian này, chị T và anh Q không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị T không còn tình cảm với anh Q.

Tại biên bản xác minh ngày 05/4/2022 (bút lục: 27) xác định: Hiện nay, anh Q và chị T chung sống không có hạnh phúc. Vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Do trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Q đến làm việc và hòa giải, nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do. Cho nên, Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Thế nhưng, trong các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đều thể hiện: Chị T không mong muốn tiếp tục chung sống với anh Q;

Chị T xác định không còn tình cảm với anh Q và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do đó, có đủ căn cứ chứng minh cuộc sống của chị T và anh Q đã mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài; vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, cần chấp nhận cho chị Cáp Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung:

Chị T và anh Q có chung một người con tên là Nguyễn Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 08/12/2016. Chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Nếu ly hôn, chị T có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng con cho đến khi thành niên.

Xét thấy: Trong thời gian anh Q và chị T sống ly thân thì chị T là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Bảo Châu. Trong giai đoạn giải quyết vụ án, anh Q đều vắng mặt nên không ghi nhận được yêu cầu của anh Q về việc con chung. Trong khi đó, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con Nguyễn Ngọc Bảo Châu cho đến khi thành niên. Do đó, Hội đồng xét xét thấy cần tiếp tục giao người con chung Nguyễn Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 08/12/2016 cho chị T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Cáp Thị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cáp Thị T và anh Nguyễn Thành Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6]. Về án phí: Cần buộc chị Cáp Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28, khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cáp Thị T: Chị Cáp Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành Q
- *Về con chung:*

Tiếp tục giao cho chị Cáp Thị T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên là Nguyễn Ngọc Bảo Châu, sinh ngày 08/12/2016 cho đến khi con thành niên.

Anh Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị T, nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; không ai được quyền ngăn cản.

Trường hợp các đương sự có thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về án phí*: Chị Cáp Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn mà chị T đã nộp theo biên lai số 0007701, ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện Tánh Linh;
- UBND xã Măng Tố;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yên